

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI NƯỚC  
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 229/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-11-2024  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Mầm.

2. Ông Trần Hoàng Bé.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Văn Mil, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Trần Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 479/2024/TLST-HN&GD ngày 30/7/2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/11/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thu T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Khắc Đ, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; nơi làm việc: Trường Tiểu học L, thuộc: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau; vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thu T trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Đ tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến

đến hôn nhân, chung sống vào tháng 4 năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau. Từ năm 2010 cho đến nay, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ bà T thuộc ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Đ thường xuyên uống rượu, chửi mắng, xúc phạm, đe dọa bà T, dù bà T đã hai lần yêu cầu ly hôn với ông Đ và cho ông Đ cơ hội sửa đổi nhưng ông Đ vẫn lập lại sai lầm, dẫn đến đời sống hôn nhân trở nên mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vì vậy, bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Giữa vợ chồng có 02 con chung tên Lê Trần Gia T1, sinh ngày 14/9/2011 và Lê Trần Ngọc T2, sinh ngày 08/4/2017. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 3.000.000 đồng/tháng, thời gian bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản hòa giải ngày 15 tháng 10 năm 2024, bị đơn Lê Khắc Đ trình bày:*

Ông thống nhất với lời khai của bà T về điều kiện, thời gian đi đến hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, nơi chung sống sau khi kết hôn và con chung.

Về hôn nhân: Ông thừa nhận quá trình chung sống ông là người có lỗi do thường uống rượu dẫn đến không kiềm chế được nên có lời lẽ xúc phạm bà T và cha mẹ vợ dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Trước đây, bà T đã 02 lần khởi kiện yêu cầu ly hôn, được ông khuyên ngăn thì bà T rút đơn khởi kiện để hàn gắn tình cảm nhưng đến nay không hàn gắn được do lúc tỉnh thì ông cư xử bình thường, đến khi uống rượu lại không kiềm chế được mà có lời lẽ xúc phạm bà T. Ông không đồng ý ly hôn với bà T vì vẫn còn tình cảm.

Về con chung: Ông không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung, cấp dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông thống nhất nguyện vọng của các con, đồng ý để bà Trung trực T3 nuôi con chung; đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của bà T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với các con chung Lê Trần Gia T1 và Lê Trần Ngọc T2 cùng có ý kiến:* Nếu cha mẹ các cháu không còn chung sống, các cháu có nguyện vọng được sống với bà T.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Đ không đồng ý ly hôn nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa,

Bà T vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Đ đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử, Thẩm phán công bố toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

*Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39, 48, 68, 195, 196, 203, 208 và 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án tại các Điều 51, 136, 222, 234, 237, 239, 243, 249, 260 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nguyên đơn, bị đơn, thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 86, 91, 93, 96, 146, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 111 và Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu ly hôn ông Đ, tiếp tục giao hai con cho bà T nuôi dưỡng, ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng theo yêu cầu bà T. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà T phải chịu 300.000 đồng, ông Đ chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về nuôi con chung và cấp dưỡng đối với ông Đ có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp N, xã T và nơi làm việc tại Trường Tiểu học L, thuộc ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau. Việc tổng đạt văn bản tố tụng thực hiện được tại địa chỉ nơi làm việc của ông Đ. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà T và ông Đ tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau, được thể hiện theo Trích lục kết hôn (bản sao) số 646/TLKH-BS ngày 28/4/2017 Ủy ban nhân dân xã L, do bà T cung cấp. Nên giữa bà T và ông Đ là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ vào lời khai thống nhất của bà T và ông Đ có cơ sở xác định trong quá trình chung sống ông Đ thường xuyên uống rượu, có lời lẽ xúc phạm bà T và cha mẹ vợ, bà T đã 02 lần yêu cầu ly hôn và rút đơn để tạo cơ hội cho vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông Đ vẫn không thay đổi, mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn tiếp tục diễn ra. Theo quy định tại Điều 19, Điều 21, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau, hành vi liên tục trong thời gian dài uống rượu, dùng lời lẽ xúc phạm bà T của ông Đ là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Về con chung*: Xem xét nguyện vọng của 02 con chung và việc ông Đ thống nhất để 02 con chung cho bà Trung trực T3 nuôi nếu ông và bà ly hôn, đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu bà T, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà T về con chung và cấp dưỡng. Bà T được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Lê Trần Gia T1, sinh ngày 14/9/2011 và Lê Trần Ngọc T2, sinh ngày 08/4/2017; ông Đ có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con chung 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, ông Đ phải chịu án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 19, 21, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Trung T4.

*Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Trung T4 được ly hôn với ông Lê Khắc Đ.

*Về con chung*:

Bà Trần Trung T4 được trực tiếp nuôi con chung Lê Trần Gia T1, sinh ngày 14/9/2011 và Lê Trần Ngọc T2, sinh ngày 08/4/2017; ông Lê Khắc Đ có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con chung 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Trần Thu T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Khắc Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Trần Thu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0013507 ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cái Nước. Ông Lê Khắc Đ phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

*Về kháng cáo:* Bà Trần Thu T và ông Lê Khắc Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt đúng quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát ND H. Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Cái Nước;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Tâm**